

Số: 5027/KH-UBND

Tây Ninh, ngày 31 tháng 12 năm 2021

KẾ HOẠCH

Phát triển thể thao thành tích cao tỉnh Tây Ninh giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Cụ thể hóa các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp phát triển thể thao thành tích cao theo Quyết định số 2025/2019/QĐ-UBND ngày 19/9/2019 của UBND tỉnh về việc ban hành Chương trình phát triển thể thao thành tích cao tỉnh Tây Ninh đến năm 2020, định hướng đến năm 2025.

Tạo sự thống nhất cao của các cấp, các ngành trong việc quán triệt và triển khai cụ thể hoá những nội dung của Chương trình phát triển thể thao thành tích cao tỉnh Tây Ninh đến năm 2020, định hướng đến năm 2025, nhằm nâng cao năng lực điều hành, quản lý nhà nước đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ mới, thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ Kế hoạch đề ra.

- Đề xuất các nhiệm vụ trọng tâm và các nhiệm vụ, giải pháp để phát triển thể thao thành tích cao trong giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025.

2. Yêu cầu

Nội dung Kế hoạch phải khoa học, thiết thực, phù hợp các yêu cầu, mục tiêu, chỉ tiêu phát triển thể thao thành tích cao của tỉnh, giải quyết được những đòi hỏi của xã hội đối với công tác thể dục thể thao và thể thao thành tích cao trong giai đoạn tới.

Quá trình xây dựng kế hoạch phải đảm bảo tuân thủ các nguyên tắc về chiến lược, quy hoạch được quy định trong các văn bản pháp luật liên quan; bảo đảm công khai trong quá trình lập và triển khai Kế hoạch.

II. MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ

1. Mục tiêu chung

- Xây dựng và phát triển các môn thể thao mang tính đặc thù của tỉnh, từng bước đầu tư và đào tạo các môn thể thao thành tích cao, môn trọng điểm, môn thể mạnh. Quy hoạch phát triển cơ sở vật chất, hạ tầng phục vụ cho sự nghiệp phát triển thể dục thể thao. Tăng cường công tác xã hội hóa thể dục thể thao và thể thao thành tích cao, đặc biệt ưu tiên cho lĩnh vực thể thao thành tích cao.

- Phấn đấu tại Đại hội Thể thao toàn quốc lần thứ IX năm 2022 đạt thứ hạng 40/65 tỉnh, thành, ngành trên toàn quốc và có đóng góp nhiều Vận động viên cho đội



tuyển quốc gia, đội tuyển trẻ quốc gia và đạt thành tích cao ở các giải khu vực Đông Nam Á, Châu Á và thế giới.

2. Mục tiêu cụ thể (Có phụ lục kèm theo)

a) Giai đoạn 2021 - 2022

- Phần đầu đạt khoảng 353 huy chương các loại tại các giải thể thao quốc gia và khoảng 5 huy chương các loại ở các giải thể thao quốc tế.

- Tham gia Đại hội Thể thao toàn quốc năm lần thứ IX năm 2022, phần đầu đạt khoảng 11 huy chương các loại, gồm 3 HCV, 2 HCB, 6 HCD; xếp hạng 40/65 tỉnh, thành, ngành trên toàn quốc.

- Phần đầu có khoảng 34 vận động viên cấp kiện tướng và 96 vận động viên cấp I quốc gia.

b) Giai đoạn 2023 - 2025

Phần đầu đạt khoảng 677 huy chương các loại tại các giải thể thao quốc gia và khoảng 24 huy chương các loại ở các giải thể thao quốc tế.

Phần đầu có khoảng 90 vận động viên cấp kiện tướng và 260 vận động viên cấp I quốc gia.

Chuẩn bị lực lượng tham gia Đại hội Thể thao toàn quốc lần thứ X năm 2026 phần đầu đạt thứ hạng 30/65 tỉnh, thành, ngành trên toàn quốc.

3. Nhiệm vụ

3.1. Quy hoạch các nhóm môn thể thao để đầu tư

a) Nhóm 1

- Các môn trọng điểm nhóm I: Các môn thể thao truyền thống, thế mạnh của tỉnh, trong những năm gần đây đã giành được huy chương vàng tại giải vô địch quốc gia, Đại hội Thể thao toàn quốc và đạt huy chương tại đấu trường quốc tế, đóng góp nhiều vận động viên cho đội tuyển Quốc gia; trong hệ thống các môn trọng điểm Quốc gia và trong chương trình thi đấu của Olympic, Asiad, SEA Games, gồm 08 môn: Điền kinh, Kickboxing, Taekwondo, Võ cổ truyền, Vovinam, Khiêu vũ thể thao, Thể dục nghệ thuật và Quần vợt (xã hội hóa).

b) Nhóm 2

Các môn thể thao nhóm II: Các môn thể thao có khả năng tranh chấp huy chương tại giải vô địch quốc gia, Đại hội Thể thao toàn quốc và giải quốc tế, gồm 6 môn: Bóng bàn, Bơi lội, Bắn cung, Wushu, Karate, Billiard.

c) Nhóm 3

Đào tạo để làm nòng cốt phát triển phong trào thể dục thể thao của tỉnh và định hướng cho các năm tiếp theo, gồm 07 môn: Bi sắt, Bóng đá, Muya, Judo - Jujitsu - Kurash, Vật, Cử tạ - Thể hình, Xe đạp.

Trong quá trình thực hiện, tùy theo thành tích thi đấu có thể điều chỉnh môn thể thao trọng điểm nhóm I và các môn thể thao nhóm II, nhóm III. Các môn thể thao nhóm I được đầu tư nhiều hơn như: Cử di tập huấn ở các trung tâm lớn trong nước, nước ngoài; thuê chuyên gia giỏi trong nước hoặc quốc tế để huấn luyện; đầu tư kinh phí tốt hơn, có chế độ ưu tiên chăm sóc y học, định kỳ bổ sung dinh dưỡng, thực phẩm chức năng cho các vận động viên.

3.2. Quy hoạch địa bàn đầu tư trọng điểm các môn thể thao năng khiếu cơ sở để đào tạo Vận động viên bổ sung cho các đội tuyển của tỉnh.

3.3. Hoàn thiện hệ thống đào tạo Vận động viên từ cơ sở đến cấp tỉnh theo các tuyển: năng khiếu cơ sở, tuyển trẻ và đội tuyển.

3.4. Đầu tư đặc biệt những môn có các Vận động viên mũi nhọn, gửi đi tập huấn trong nước tại các Trung tâm Huấn luyện thể thao quốc gia và nước ngoài để nâng cao thành tích vận động viên.

3.5. Cử đội ngũ Huấn luyện viên, trọng tài, bác sỹ, gửi đi đào tạo tại các trường, các trung tâm thể thao để nâng cao trình độ chuyên môn đáp ứng với yêu cầu phát triển thể thao thành tích cao.

3.6. Định hướng đầu tư, phát triển môn bóng đá theo hướng chuyên nghiệp.

III. GIẢI PHÁP

1. Về tổ chức quản lý

Xây dựng phong trào thể dục thể thao quần chúng, nhất là phong trào thể dục thể thao trong trường học phát triển vững chắc làm nền tảng cho sự phát triển thể thao thành tích cao.

Căn cứ thế mạnh của từng địa phương, chỉ đạo Trung tâm Văn hóa - Thể thao và Truyền thanh huyện, thị xã, thành phố đầu tư nâng cao một số môn thể thao mũi nhọn, tạo nguồn để phát triển, đào tạo Vận động viên thành tích cao.

2. Về đào tạo, huấn luyện

Xây dựng số lượng Huấn luyện viên trên tỷ lệ Vận động viên trung bình từ 06-08 Vận động viên /01 Huấn luyện viên, có 90% Huấn luyện viên trình độ đại học, khoảng 5-10% Huấn luyện viên trên đại học; đào tạo bồi dưỡng khoảng 50 trọng tài quốc tế và trọng tài quốc gia.

Xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng các huấn luyện viên, cử các Vận động viên lớn tuổi, có nhiều thành tích và kinh nghiệm thi đấu đi đào tạo tại các trường Đại học thể dục thể thao trở về làm công tác huấn luyện.

Quy hoạch địa bàn trọng điểm các tuyển năng khiếu cơ sở để tuyển chọn và đào tạo Vận động viên một cách khoa học, hợp lý dựa trên cơ sở thế mạnh, truyền thống và phong trào thể dục thể thao của từng huyện, thị xã, thành phố.

Nâng cao chất lượng giáo dục thể chất và thể thao trường học, chú trọng đến việc rèn luyện ngoại khóa cho học sinh trong nhà trường từ đó phát triển rộng rãi

phong trào tập luyện thể thao trong trường học để phát triển thể chất cho học sinh đồng thời làm nguồn để tuyển chọn Vận động viên.

Hợp đồng mời các Huấn luyện viên giỏi trong và ngoài nước huấn luyện cho các môn thể thao trọng điểm và một số môn thể thao mới phát triển tại tỉnh.

Hợp đồng Vận động viên có trình độ chuyên môn giỏi về thi đấu để nâng cao thành tích thể thao.

Duy trì 03 tuyển Vận động viên đào tạo: năng khiếu cơ sở và 02 tuyển tập trung tuyển trẻ, đội tuyển.

Xây dựng kế hoạch huấn luyện, hệ thống tuyển chọn chính xác, khoa học. Ứng dụng công nghệ thông tin trong xây dựng dữ liệu về Vận động viên thể thao thành tích cao và Vận động viên trẻ, năng khiếu.

Tăng cường bồi dưỡng, nâng cao phẩm chất, năng lực của đội ngũ cán bộ, huấn luyện viên; Tăng cường công tác quản lý, coi trọng việc giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức lối sống, ý thức nghề nghiệp, ý chí quyết tâm và lòng yêu nghề cho đội ngũ cán bộ, Huấn luyện viên, Vận động viên; Tham mưu đề xuất các biện pháp phòng, chống, ngăn chặn các hoạt động vi phạm pháp luật trong hoạt động thể thao chuyên nghiệp, thể thao thành tích cao.

Tăng cường tập huấn dã ngoại và đi tập huấn nước ngoài với các môn thể thao trọng điểm nhóm 1.

Đối với bộ môn Bóng đá, xây dựng kế hoạch đào tạo, huấn luyện, quản lý hệ thống các tuyển trẻ, tuyển theo hướng chuyên nghiệp.

Tăng cường hợp tác đào tạo, hàng năm gửi các Vận động viên xuất sắc đi đào tạo tại các trung tâm huấn luyện quốc gia: Trung tâm Huấn luyện thể thao Quốc gia Hà Nội, Trung tâm Huấn luyện thể thao Quốc gia Đà Nẵng, Trung tâm Huấn luyện thể thao Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, Trung tâm Huấn luyện thể thao Quốc gia Cần Thơ, Trường Đại học Thể dục thể thao Thành phố Hồ Chí Minh...

Liên kết đào tạo các tỉnh, thành, thành phố để phát triển một số môn thể thao thể mạnh của địa phương đó.

3. Về hệ thống thi đấu các giải thể thao

Xây dựng hệ thống thi đấu giải thể thao, tổ chức tốt các giải thể thao hàng năm, Đại hội thể dục thể thao, Hội khỏe Phù Đổng và Hội thao học sinh ở các cấp, trong đó chú trọng tổ chức các môn thể thao, các nội dung thể mạnh của tỉnh và đang đào tạo năng khiếu tập trung để phát triển phong trào thể dục thể thao và làm nguồn tuyển chọn vận động viên cho đội tuyển tỉnh.

4. Về cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ cho công tác huấn luyện

Tập trung khai thác tốt các công trình thể thao cấp tỉnh hiện có như: Sân vận động, Nhà thi đấu, hồ bơi và các công trình thể thao khác. Có kế hoạch đầu tư xây dựng nhà tập thể lực, hồi phục cho vận động viên các môn thể thao.

Từng bước hoàn thiện, nâng cấp cơ sở vật chất phục vụ sinh hoạt của Vận động viên như nhà ở, bếp ăn, phòng học để đảm bảo điều kiện phục vụ cho vận động viên. Duy tu, bảo dưỡng, nâng cấp các công trình thể thao trên địa bàn tỉnh để đáp ứng cho việc tập luyện và tổ chức các giải thể thao của tỉnh, trong nước và quốc tế.

Dầu tư trang thiết bị hiện đại, dụng cụ hiện đại, thiết thực cho công tác tuyển chọn, đào tạo, huấn luyện vận động viên. Đến năm 2025, đầu tư xây dựng phát triển Trung tâm Huấn luyện thể dục thể thao tỉnh thành Khu liên hợp thể dục thể thao tỉnh.

Có kế hoạch từng bước đầu tư và tăng cường xã hội hóa do các tổ chức cá nhân và doanh nghiệp tài trợ nhằm thu hút các nguồn lực xã hội đầu tư xây dựng các công trình thể thao.

5. Về cơ chế chính sách

Tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 09/2020/NQ-HĐND ngày 31/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc ban hành quy định và mức chi chế độ dinh dưỡng, hỗ trợ khuyến khích đối với Huấn luyện viên, Vận động viên thể thao giai đoạn 2020-2025 trên địa bàn tỉnh Tây Ninh; tiếp tục xây dựng ban hành các cơ chế chính sách, ưu đãi, khuyến khích thu hút các Huấn luyện viên, Vận động viên tài năng trong và ngoài tỉnh có nguyện vọng, tâm huyết phục vụ lâu dài cho tỉnh.

Tăng cường công tác xã hội hóa các hoạt động thể thao, vận động và khuyến khích các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong và ngoài tỉnh tài trợ cho hoạt động thể thao thành tích cao, gắn với quảng bá thương hiệu sản phẩm.

Khen thưởng, động viên các tổ chức, cá nhân có những đóng góp xuất sắc trong hoạt động thể dục thể thao.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí thực hiện của giai đoạn 2021-2025: 916.734 triệu đồng *(Có phụ lục kèm theo)*.

Kinh phí thực hiện Kế hoạch này được dự toán trong tổng kinh phí chi thường xuyên cho hoạt động quản lý nhà nước của cơ quan, đơn vị, địa phương hàng năm theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

Các nguồn đóng góp, huy động hợp pháp khác.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan, UBND các huyện, thị xã, thành phố xây dựng kế hoạch tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch và chịu trách nhiệm theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, định kỳ báo cáo UBND tỉnh tình hình, kết quả thực hiện kế hoạch theo quy định.

Hàng năm, đề xuất UBND tỉnh giao chỉ tiêu đào tạo vận động viên năng khiếu cơ sở cho các huyện, thị xã, thành phố.

Chỉ đạo Trung tâm Huấn luyện và Thi đấu thể dục thể thao tỉnh thực hiện việc tuyển chọn, đào tạo vận động viên năng khiếu, tuyển trẻ và đội tuyển có chất lượng; tổ chức các đội tuyển của tỉnh tham gia các giải đấu quốc gia, quốc tế đảm bảo, hiệu quả.

Tham mưu, đề xuất các chế độ, chính sách liên quan đến phát triển sự nghiệp thể dục thể thao trình UBND tỉnh xem xét, quyết định.

2. Sở Tài chính

Căn cứ khả năng ngân sách, tham mưu UBND tỉnh đảm bảo kinh phí thực hiện Kế hoạch này theo phân cấp của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Hướng dẫn, hỗ trợ các đơn vị xử lý các khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện kế hoạch.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Chủ trì, phối hợp với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Tài chính căn cứ Kế hoạch đã được UBND tỉnh phê duyệt để đầu tư cơ sở vật chất đối với các công trình thể thao của tỉnh.

4. Sở Giáo dục và Đào tạo

Chủ trì nghiên cứu, có giải pháp nâng cao chất lượng học thể dục thể thao nội khóa, đẩy mạnh các hoạt động thể dục thể thao ngoại khóa cho học sinh, tổ chức xây dựng các lớp, các câu lạc bộ năng khiếu thể dục thể thao trong hệ thống giáo dục phổ thông, để tuyển chọn học sinh có năng khiếu cho thể thao thành tích cao.

Chủ trì phối hợp với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch chỉ đạo, tổ chức Hội khỏe Phù Đổng các cấp, các giải thi đấu thể thao học sinh hàng năm, trong đó chú trọng ưu tiên tổ chức các môn thể thao, các nội dung đang đào tạo để hỗ trợ cho công tác tuyển chọn và đào tạo năng khiếu thể thao.

Hỗ trợ Trung tâm Huấn luyện và Thi đấu thể dục thể thao tỉnh để tạo điều kiện thuận lợi cho học sinh, vận động viên trong việc học tập văn hóa và tập luyện chuyên môn thể dục thể thao. Tạo điều kiện thuận lợi về thời gian cho học sinh, vận động viên được tham gia chương trình tập huấn và thi đấu các giải thể thao của tỉnh, quốc gia và quốc tế.

5. Sở Nội vụ

Phối hợp với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tham mưu UBND tỉnh về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập đúng theo quy định tại Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10/9/2020 của Chính phủ và các quy định hiện hành.

Phối hợp với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch trình UBND tỉnh trong việc ký kết hợp đồng huấn luyện viên làm công tác huấn luyện cho các môn thể thao và thực hiện tuyển dụng các vận động viên có thành tích cao (đạt huy chương tại các giải thi đấu thể thao chính thức cấp quốc gia hoặc quốc tế) về công tác tại tỉnh.

6. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

Phối hợp với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch xây dựng chế độ chính sách đãi ngộ đối với đội ngũ cán bộ, huấn luyện viên, vận động viên; chế độ ưu đãi đặc thù đối với các vận động viên đạt thành tích cao.

Hướng dẫn, hỗ trợ Trung tâm Huấn luyện và Thi đấu thể dục thể thao tỉnh trong việc chi trả các chế độ tiền lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, tai nạn nghề nghiệp, bảo hiểm thất nghiệp... theo qui định cho các huấn luyện viên, vận động viên thể thao.

7. Sở Thông tin và Truyền thông, Đài Phát thanh và Truyền hình, Báo Tây Ninh

Định hướng, duy trì chuyên trang, chuyên mục, thông tin tuyên truyền các đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của nhà nước bằng nhiều hình thức để tuyên truyền cho việc thực hiện kế hoạch.

8. UBND các huyện, thị xã, thành phố

Phối hợp với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch chỉ đạo thực hiện Kế hoạch phát triển thể thao thành tích cao trên địa bàn.

Phối hợp với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tuyển chọn, đào tạo các vận động viên năng khiếu thể thao trên địa bàn phù hợp với tiềm năng và thể mạnh truyền thống thể dục thể thao của địa phương; có trách nhiệm tham gia thi đấu các giải thể thao của tỉnh.

UBND tỉnh yêu cầu các sở, ban, ngành tỉnh liên quan, UBND các huyện, thị xã, thành phố xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện tốt các chỉ tiêu, nhiệm vụ theo Kế hoạch này, định kỳ 01 năm báo cáo kết quả thực hiện với UBND tỉnh (qua Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch)/.

Nơi nhận:

- Bộ VIIITĐH;
- Tổng cục TDĐT;
- TT: TƯ, HDND tỉnh;
- CT và các PCT;
- Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy;
- Các đoàn thể, tổ chức CT-XH;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- UBND huyện, thị xã, thành phố;
- LDVP;
- Phòng KGVX;
- Lưu: VT, VP. 30.Loc. 2...b

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Võ Đức Trọng

Handwritten text, possibly a date or reference number, located in the upper left corner of the page.



Phụ lục 1

Định hướng phát triển thể thao thành tích cao giai đoạn 2021 -2025

(Ban hành kèm theo Kế hoạch số 5021/KH-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2021 của UBND tỉnh Tây Ninh)



STT	Nội dung hoạt động	Đơn vị tính	2021	2022	2023	2024	2025
1	Huấn luyện viên	Người	19	77	83	93	97
	Tuyển tuyển		9	20	23	30	30
	Tuyển trẻ		9	30	33	36	40
	Tuyển năng khiếu		1	27	27	27	27
2	Số Vận động viên đào tạo tập trung	Người	199	500	600	620	630
	Số vận động viên tuyển tuyển		55	80	100	120	130
	Số vận động viên tuyển trẻ		121	150	200	200	200
	Số vận động viên tuyển năng khiếu		23	270	300	300	300
3	Số huy chương đạt giải	Cái	168	185	204	225	248
	Quốc tế			5	6	8	10
	Quốc gia		58	65	72	80	90
	Cụm, khu vực, mở rộng		110	115	126	137	148
4	Tham gia các giải	Giải	55	67	74	81	89
	Quốc tế			2	3	4	5
	Quốc gia		41	50	54	57	64
	Cụm khu vực, mở rộng		14	15	17	20	20

5	Đăng cai tổ chức giải	Giải	9	9	12	13	14
	Quốc tế						1
	Quốc gia		6	6	7	8	8
	Cụm, khu vực, mở rộng		3	3	5	5	5
6	Số Vận động viên đạt đẳng cấp quốc gia	VĐV	55	61	68	75	82
	Kiện tướng		14	20	25	30	35
	Cấp I		41	55	75	90	95
7	Đầu tư các môn thể thao	Môn	9	15	18	20	20
	Bắn cung		-	x	x	x	x
	Billiard		-	-	x	x	x
	Bi sắt		-	x	x	x	x
	Bóng đá		x	x	x	x	x
	Bóng bàn		x	x	x	x	x
	Bơi lội		x	x	x	x	x
	Cử tạ, thể hình		-	-	-	x	x
	Điền kinh		x	x	x	x	x
	Kickboxing		x	x	x	x	x
	Karate		-	x	x	x	x
	Khiêu vũ thể thao		-	x	x	x	x
	Judo, Jujitsu Kurash		-	-	x	x	x
	Vật		-	-	x	x	x
	Muay		-	x	x	x	x

	Tackwondo		X	X	X	X	
	Thể dục nghệ thuật		-	X	X	X	X
	Võ cổ truyền		X	X	X	X	X
	Vovinam		X	X	X	X	X
	Xe đạp		-	-	-	X	X
	Wushu		X	X	X	X	X

Phụ lục 2

**Phân bố địa bàn đào tạo Vận động viên năng khiếu cơ sở thực hiện
Kế hoạch phát triển thể thao thành tích cao giai đoạn 2021 -2025**
(Ban hành kèm theo Kế hoạch số 5027/KH-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2021
của UBND tỉnh Tây Ninh)

Stt	Đơn vị	Môn	Ghi chú
1	Thành phố Tây Ninh	Bóng bàn, bóng đá, Taekwondo, Wushu, Vovinam, diên kinh, bơi lội, khiêu vũ thể thao,...	
2	Thị xã Hòa Thành	Bóng đá, bơi lội, Taekwondo, Vovinam, võ cổ truyền...	
3	Huyện Châu Thành	Bóng đá, diên kinh, Karate, Taekwondo, Vovinam, võ cổ truyền, ...	
4	Huyện Gò Dầu	Bóng đá, diên kinh, bóng bàn, bơi lội, Karate, Taekwondo, Vovinam, võ cổ truyền,...	
5	Thị xã Trảng Bàng	Bóng đá, bơi lội, Taekwondo, Vovinam, võ cổ truyền...	
6	Huyện Tân Biên	Bóng bàn, bóng đá, Vovinam, võ cổ truyền...	
7	Huyện Tân Châu	Bóng đá, bơi lội, Taekwondo, Vovinam...	
8	Huyện Dương Minh Châu	Bóng đá, Karate, Taekwondo, võ cổ truyền...	
9	Huyện Bến Cầu	Bóng đá, diên kinh, Karate, Vovinam, võ cổ truyền...	



Phụ lục 3

Dự toán kinh phí thực hiện Kế hoạch phát triển thể thao thành tích cao giai đoạn 2021 -2025

(Kèm theo Kế hoạch số 5027/KH-UBND ngày 31/12/2021 của UBND tỉnh Tây Ninh)

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Thời gian/Nội dung	Tổng kinh phí	Ngân sách nhà nước		Xã hội hóa		Ghi chú
			Kinh phí xây dựng cơ bản	Ngân sách cấp tỉnh	Kinh phí xây dựng cơ bản	Ngân sách cấp tỉnh	
A	B	1	2	3	4	5	D
I	Năm 2021	42,719		42,719			
A	Sự nghiệp thể thao	18,739		18,739			
1	Kinh phí tiền lương, tiền thưởng huy chương, tiền dinh dưỡng, các khoản đóng góp, hỗ trợ khuyến khích	10,274		10,274			
2	Kinh phí khác: kinh phí thi đấu, kinh phí tổ chức giải, tiền ở, tiền xe, trang thiết bị dụng cụ thể thao	8,465		8,465			
B	Sự nghiệp đào tạo	23,980		23,980			
1	Kinh phí tiền lương, tiền dinh dưỡng (tiền ăn) HLV, VĐV	13,892		13,892			
2	Kinh phí chuyên môn khác: kinh phí thi đấu, tiền ở, tiền xe, trang thiết bị dụng cụ thể thao, chi phí học văn hóa cho VĐV,...	10,088		10,088			
II	Năm 2022	63,553	2,000	61,553			
A	Sự nghiệp thể thao	26,344		26,344			
1	Kinh phí tiền lương, tiền thưởng huy chương, tiền dinh dưỡng, các khoản đóng góp, hỗ trợ khuyến khích	16,018		16,018			

2	Kinh phí chuyên môn khác: kinh phí thi đấu, KP tổ chức giải, tiền ở, tiền xe, trang thiết bị thể thao,...	10,326		10,326		
B	Sự nghiệp đào tạo	35,209		35,209		
1	Kinh phí tiền lương, tiền dinh dưỡng (tiền ăn) HLV, VĐV	25,109		25,109		
2	Kinh phí chuyên môn khác: kinh phí thi đấu, tiền ở, tiền xe, trang thiết bị dụng cụ thể thao, chi phí học văn hóa cho VĐV,...	10,100		10,100		
C	Cải tạo cơ sở vật chất Trường Trung cấp KTKT chuyển giao cho Trung tâm HLTĐ	2,000	2,000			
III	Năm 2023	151,687	80,000	71,687		
A	Sự nghiệp thể thao	28,479		28,479		
1	Kinh phí tiền lương, tiền khen thưởng huy chương, tiền dinh dưỡng, các khoản đóng góp, hỗ trợ khuyến khích	19,749		19,749		
2	Kinh phí chuyên môn khác: kinh phí thi đấu, kinh phí tổ chức giải, tiền ở, tiền xe, trang thiết bị dụng cụ thể thao, ...	8,730		8,730		
B	Sự nghiệp đào tạo	43,208		43,208		
1	Kinh phí tiền lương, tiền dinh dưỡng (tiền ăn) HLV, VĐV	30,634		30,634		
2	Kinh phí chuyên môn khác: kinh phí thi đấu, tiền ở, tiền xe, trang thiết bị dụng cụ thể thao, chi phí học văn hóa cho VĐV...	12,574		12,574		





C	Xây dựng Trung tâm HLTĐ giai đoạn 2	80,000	80,000				
IV	Năm 2024	77,929		77,929			
A	Sự nghiệp thể thao	33,603		33,603			
1	Kinh phí tiền lương, tiền khen thưởng huy chương, tiền dinh dưỡng, các khoản đóng góp khác, hỗ trợ khuyến khích	23,773		23,773			
2	Kinh phí chuyên môn khác: kinh phí thi đấu, kinh phí tổ chức giải tiền ở, tiền xe, trang thiết bị dụng cụ thể thao ...	9,830		9,830			
B	Sự nghiệp đào tạo	44,326		44,326			
1	Kinh phí tiền lương, tiền dinh dưỡng (tiền ăn) HLV, VĐV	30,826		30,826			
2	Kinh phí chuyên môn khác: kinh phí thi đấu, tiền ở, tiền xe, trang thiết bị dụng cụ thể thao, chi phí học văn hóa cho VĐV...	13,500		13,500			
V	Năm 2025	580,846	400,000	80,846		100,000	
A	Sự nghiệp thể thao	35,589		35,589			
1	Kinh phí tiền lương, tiền khen thưởng huy chương, tiền dinh dưỡng, các khoản đóng góp khác, hỗ trợ khuyến khích	25,267		25,267			
2	Kinh phí chuyên môn khác: kinh phí thi đấu, kinh phí tổ chức giải, tiền ở, tiền xe, trang thiết bị dụng cụ thể thao, ...	10,322		10,322			
B	Sự nghiệp đào tạo	45,257		45,257			

1	Kinh phí tiền lương, tiền dinh dưỡng (tiền ăn) HLV, VĐV	31,082		31,082			
2	Kinh phí chuyên môn khác: kinh phí thi đấu, tiền ở, tiền xe, trang thiết bị dụng cụ thể thao, chi phí học văn hóa cho VĐV...	14,175		14,175			
C	Xây dựng Khu liên hợp TDTT tỉnh	500,000	400,000			100,000	
	Tổng cộng (I+II+III+IV+V)	916,734	482,000	334,734		100,000	

